

Số: 01/2026/QĐST-DS

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1959; dân tộc: Giáy; nghề nghiệp: Lao động tự do; số căn cước: 0020***00, cấp ngày: 16/4/2025, nơi cấp: Bộ Công an; địa chỉ: Thôn 3, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương Nhung – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Lâm Văn D, sinh năm 1986; dân tộc: Giáy; nghề nghiệp: Lao động tự do; số định danh cá nhân: 0020***51; địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Lâm Văn Đ và anh Lâm Văn D thỏa thuận, anh Lâm Văn D nhất trí thanh toán số tiền thuê mặt bằng từ tháng 3/2025 đến tháng 01/2026 cho ông Lâm Văn Đ tổng số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Ông Lâm Văn Đ đồng ý cho anh Lâm Văn D tiếp tục sử dụng mặt bằng, tư liệu sản xuất của ông Đức để sản xuất gạch và kinh doanh và hàng tháng anh Dương phải thanh toán cho ông Đức số tiền 7.800.000 đồng / tháng (bảy triệu tám trăm

ngàn đồng trên một tháng), thời hạn thanh toán tính từ tháng 02/2026 cho đến khi hai bên có thỏa thuận khác hoặc chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. ,

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, khoản 4 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lâm Văn Đ. Anh Lâm Văn D phải nộp 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Đặng Văn Tình